

CHÍNH PHỦ
Số: 38/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Quy định một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng

CHÍNH PHỦ

Để giữ gìn trật tự công cộng, góp phần bảo đảm quyền tự do dân chủ của công dân theo quy định của pháp luật;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng; nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm trật tự công cộng.

Điều 2. Trách nhiệm bảo đảm trật tự công cộng

1. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng; tôn trọng các quy tắc chung của cuộc sống xã hội; phát hiện, tố cáo mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự công cộng hoặc xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân; tham gia, hỗ trợ các cơ quan chức năng phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vi phạm pháp luật về trật tự công cộng.

2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài cư trú và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến bảo đảm trật tự công cộng.

Điều 3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự công cộng

1. Cơ quan, tổ chức, chính quyền các cấp có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục thành viên và người thuộc cơ quan, tổ chức, địa phương mình ý thức tuân theo pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và các quy chế dân chủ trong từng lĩnh vực công tác; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân, điều kiện gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng.

2. Cơ quan thông tin, tuyên truyền có trách nhiệm thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng, về khiếu nại, tố cáo, về quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc bảo đảm trật tự công cộng để mọi người biết và tự giác chấp hành.

Điều 4. Giám sát, kiểm tra việc thi hành pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng

1. Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát việc thi hành pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng của tổ chức và cá nhân.

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi quản lý của mình, có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng; kịp thời có biện pháp ngăn chặn, giáo dục và xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Lợi dụng các quyền tự do dân chủ của công dân để thực hiện hoặc lôi kéo, kích động, mua chuộc, cưỡng ép người khác tập trung đông người nhằm gây rối trật tự công cộng hoặc để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.

2. Tập trung đông người trái với quy định của pháp luật ở lòng đường, vỉa hè, trước trụ sở cơ quan, tổ chức, tại khu vực đang diễn ra các hội nghị quốc tế, kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân hoặc các hoạt động chính trị quan trọng khác của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội hoặc nơi công cộng khác.

3. Tiến hành các hoạt động quy định tại Điều 7 Nghị định này mà không được phép của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

4. Gây cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, của cán bộ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội hoặc cản trở, chống người thi hành công vụ.

5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để dung túng, bao che hoặc xử lý không nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng.

6. Các hành vi khác gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự công cộng, cuộc sống bình thường của nhân dân hoặc trái với thuần phong mỹ tục, nếp sống văn minh nơi công cộng.

Điều 6. Nguyên tắc xử lý vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng

1. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng đều phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm pháp luật về trật tự công cộng phải thực hiện theo đúng quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết khác có liên quan để quyết định hình thức, biện pháp xử lý thích hợp.

3. Chỉ áp dụng biện pháp cưỡng chế cần thiết sau khi đã áp dụng các biện pháp hướng dẫn, giáo dục, thuyết phục nhưng người vi phạm vẫn không chấp hành hoặc cố tình vi phạm, chống đối, gây rối trật tự công cộng.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Quy định về tập trung đông người ở nơi công cộng

Việc tập trung đông người ở nơi công cộng phải đăng ký trước với Ủy ban nhân dân có thẩm quyền nơi diễn ra các hoạt động đó và phải thực hiện đúng nội dung đã đăng ký. Quy định này không áp dụng đối với các hoạt động do các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức.

Điều 8. Thủ tục đăng ký tập trung đông người ở nơi công cộng

1. Trước khi tiến hành các hoạt động tập trung đông người ở nơi công cộng, tổ chức hoặc người tổ chức các hoạt động đó phải gửi bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Bản đăng ký phải có các nội dung cơ bản sau đây:

- a) Họ tên, tuổi, địa chỉ của người đăng ký; tên, trụ sở và các thông tin khác của tổ chức đăng ký;
- b) Nội dung, mục đích việc tập trung đông người;
- c) Ngày, giờ diễn ra hoạt động, thời gian kết thúc;
- d) Địa điểm tập trung, đường đi, sơ đồ lộ trình sẽ đi qua;
- đ) Tên của các tổ chức dự kiến tham gia và họ tên, tuổi, địa chỉ của người đại diện cho tổ chức đó;
- e) Số người dự kiến tham gia; cờ, ảnh, phương tiện mang theo, nội dung biểu ngữ, khẩu hiệu (nếu có);
- g) Cam kết thực hiện đúng nội dung, phạm vi hoạt động đã đăng ký và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng.

2. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản đăng ký, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, giải quyết việc đăng ký tập trung đông người.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đã cho phép hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền tạm đình chỉ, đình chỉ hoặc hủy bỏ việc tập trung đông người khi xét thấy các hoạt động đó gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự công cộng hoặc vi phạm nội dung đã cho phép.

4. Bộ Công an hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tiếp nhận, giải quyết việc đăng ký, tạm đình chỉ, đình chỉ hoặc hủy bỏ việc tập trung đông người ở nơi công cộng.

Điều 9. Các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng

- 1. Quy định khu vực bảo vệ, khu vực cấm tập trung đông người; cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh.
- 2. Phân luồng giao thông, cấm hoặc hạn chế người và phương tiện giao thông ra, vào những khu vực nhất định.
- 3. Khi xảy ra tình trạng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự công cộng thì tùy theo tình hình cụ thể, cơ quan chức năng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để ổn định tình hình, bảo đảm trật tự công cộng và xử lý người vi phạm:

- a) Thuyết phục, yêu cầu mọi người chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng và chấm dứt ngay hành vi vi phạm;
- b) Đặt rào cản, chốt giữ các nút giao thông;
- c) Tạm đình chỉ hoạt động của các phương tiện giao thông;
- d) Kiểm tra giấy tờ tùy thân; khám người, phương tiện; tạm giữ người, phương tiện vi phạm; thu giữ vũ khí và các vật dụng nguy hiểm theo quy định của pháp luật;
- đ) Cưỡng chế người có hành vi vi phạm rời khỏi địa điểm tập trung đông người trái pháp luật;
- e) Sử dụng công cụ hỗ trợ và các công cụ, phương tiện khác để bảo đảm trật tự công cộng;
- g) Trưng dụng tạm thời phương tiện, cơ sở vật chất của cơ quan, tổ chức và công dân theo quy định của pháp luật để phục vụ cho các biện pháp cấp bách nhằm lập lại trật tự công cộng.
- h) Các biện pháp khác do pháp luật quy định.

4. Bộ Công an hướng dẫn chi tiết thi hành việc áp dụng các biện pháp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 10. Thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng

- 1. Cán bộ, chiến sỹ, thủ trưởng các đơn vị Công an nhân dân đang trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự công cộng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình được thực hiện các biện pháp để bảo đảm trật tự công cộng quy định tại các khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định này.
- 2. Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh, Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục trưởng Cục Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường thủy, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền quyết định áp dụng và tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng quy định tại các khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định này.